

**GENERAL ASSOCIATION OF
FORMER POLITICAL PRISONERS OF VIETNAMESE COMMUNIST**
Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Cộng Sản Việt Nam

P.O. BOX 1953, GARDEN GROVE, CA 92642 - TEL: (714) 894-4136

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị

(Two Copies)

IV. # 089-400
VEWL. # _____
F171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education Camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các Trại Cải Tạo ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có

1. Name (Family name, middle, first): NGUYEN VAN QUY

(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)

2. Sex: M DOB: 04 / 05 / 37 / Place of Birth: Ha Bac, Vietnam
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)

3. Last position/Rank, Agency/Unit: Canh Sat Sac Phuc
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

B. ARREST

(Giám giữ)

1. Date & Place of Arrest: 05/22/75
(Ngày nói trình diện/bị bắt giữ)

2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: LAM DONG
(Tên, địa điểm các trại giam)

3. Date of release or still in camps: 02/09/77
(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Married
(Cơ gia đình hay độc thân)

2. If married, please complete names of Spouse & Children
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)

VU THI LE (Wife) 1939

NGUYEN HUU BINH (Son) 1974

NGUYEN HUU LOI (Son) 1972

NGUYEN HUU KHANH (Son) 1978

3. Address of family: NGUYEN THI THUY (Dau) 1975
(Địa chỉ gia đình) 14/2 Tan Xuan, Khu 3, Huyen Di Linh

D. APPLICANT:

(Người đứng đón)

1. Name: KEVIN NGUYEN Occupation TESTER
(Họ và tên) (Nghề nghiệp)

2. Address and phone number: _____
(Địa chỉ và điện thoại)

Garden Grove CA

3. Relationship with detainee: SON (CON TRAI)
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)

4. Status in U.S.A: Permanent Resident ☐ U.S. Citizen ☒
(Tình trạng cư trú)

5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đường sự không?) Yes ☒ No ☐

Date: 09/25/89
(Ngày, tháng, năm)

Kevin Nguyen
Signature of Applicant
(Chữ ký của người đứng đón)
(Certificate of Release)

**GENERAL ASSOCIATION OF
FORMER POLITICAL PRISONERS OF VIETNAMESE COMMUNIST**

Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Cộng Sản Việt Nam

P.O. BOX 1953, GARDEN GROVE, CA 92642 - TEL: (714) 894-4136

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị

(Two Copies)

IV. # 089-400
VEWL. #
F171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education Camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các Trại Cải Tạo ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có

1. Name (Family name, middle, first): NGUYEN VAN QUY
(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)
2. Sex: M DOB: 04 / 05 / 37 / Place of Birth: Ha Bac, Vietnam
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank, Agency/Unit Canh Sat Sac Phuc
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

B. ARREST

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: 05/22/75
(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: LAM DONG
(Tên, địa điểm các trại giam)
3. Date of release or still in camps: 02/09/77
(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Married
(Có gia đình hay độc thân)
2. If married, please complete names of Spouse & Children VU THI LE (Wife) 1939
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)
NGUYEN HUU BINH (Son) 1974
NGUYEN HUU LOI (Son) 1972
NGUYEN HUU KHANH (Son) 1978
NGUYEN THI THUY (Dau) 1975
3. Address of family: 14/2 Tan Xuan, Khu 3, Huyen Di Linh
(Địa chỉ gia đình)

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: KEVIN NGUYEN Occupation TESTER
(Họ và tên) (Nghề nghiệp)
2. Address and phone number: Garden Grove CA
(Địa chỉ và điện thoại)

3. Relationship with detainee: SON (CON TRAI)
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)
4. Status in U.S.A: Permanent Resident ☐ U.S. Citizen ☒
(Tình trạng cư trú)
5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đường sự không?) Yes ☒ No ☐

Date: 09/25/89
(Ngày, tháng, năm)

Kevin Nguyen
Signature of Applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)
(Certificate of Release)

ỦY BAN D. C. M
TỈNH LẠC ĐÔNG
HUYỆN DI-LINH
XÃ DI-LINH

CỘNG-HÒA MIỀN-NAM VIỆT-NAM
Độc-Lập Tự-Do Hạnh-Fu Hòa-Bình TRUNG-LẬP

71 ẤY C. Q. NG. NH. C. T. A. O.

Nguyễn Văn Quý

Ngày tháng năm sinh: 1937 5/3

sinh quán: Bắc Ninh

Trú quán: K. P. 3
Cấp bậc: Công nhân

Số quân của người:

Đã được học cải tạo khóa: Trại Hà Giang

Chứng nhận dương sự đã học cải tạo đợt:

Ngày 22 tháng 5 năm 75 đến ngày 8 tháng 2 năm 77

Di-Lịch ngày 4 tháng 2 năm 1977

ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC MANG



Phạm Thi

13/02 33/02 04/03 14/3 24/3 04/4

15/4 25-4 05-5 14-5 24-5

12-7 18-6 21-6 2-7

22-7 5-9 11-8

15-9 06/ sau kung khong An

26-09 27-10

17-10-1971

17-10-1971



TRANSLATION OF A "BIRTH CERTIFICATE"

NAME OF CHILD: NGUYEN DUC DUNG

SEX: Male

DATE OF BIRTH: 05-27-1963

PLACE OF BIRTH: Tan Xuan Hamlet, Di Linh Village

FATHER'S NAME: Nguyen Van Quy

AGE: 26

OCCUPATION: Labor

RESIDENCE: Tan Xuan Hamlet, Di Linh Village

MOTHER'S NAME: Vu Thi Le

AGE: 24

OCCUPATION: Labor

RESIDENCE: Tan Xuan Hamlet, Di Linh Village

COURT: /

PAGE: 116

WITNESSES: Nguyen Van Mui, Nguyen Van Viet

JUDGE: /

CERTIFICATE ISSUED: - Data 06-05-1963
(Month) (day) (year)

DI Linh
(place)

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, CUC K. NGUYEN, hereby certify that the above
is an accurate translation of the original "birth certificate"
in Vietnamese, and that I am competent in both English
and Vietnamese to render such translation.

Date 11/5/84

Agency Consulate & Agency

2117 First St., Suite 115
phone 02705

Nguyen Van Mui
(signature of translator)

(address)

(city) (state) (zip)

KHAI SANH

Số hiệu: 116

Tên, họ ấu nhi: Nguyễn-văn-Cùng

Phái: Trái

Sanh: Hai mươi Bảy tháng năm, năm một ngàn chín trăm sáu mươi Ba (27 - 5 - 1963)
(Ngày, tháng, năm)

Tại: Ấp Tân Xuân Xã Di-Linh

Cha: Nguyễn-văn-Cửy

(Tên, họ)

Tuổi: 26 Tuổi

Nghề-nghiệp: Làm Công

Cư-trú tại: Ấp Tân-Xuân Xã Di-Linh

Mẹ: Vũ - thị - Lê

(Tên, họ)

Tuổi: 24 Tuổi

Nghề nghiệp: Làm Công

Cư-trú tại: Ấp Tân Xuân Xã Di-Linh

Vợ: CHANG

Người khai: Nguyễn-văn-Cửy

(Tên, họ)

Tuổi: 26 Tuổi

Nghề-nghiệp: Làm Công

Cư-trú tại: Ấp Tân Xuân Xã Di-Linh

Đến năm tháng sáu năm một ngàn chín trăm

Ngày khai: sáu mươi Ba (5 - 6 - 1963)

Người chứng thứ nhất: Nguyễn -văn- Hải

(Tên, họ)

Tuổi: 32 Tuổi

Nghề nghiệp: Làm Công

Cư-trú tại: Ấp Tân Xuân Xã Di-Linh

Người chứng thứ nhì: Nguyễn-văn-Việt

(Tên, họ)

Tuổi: 27 Tuổi

Nghề-nghiệp: Làm Công

Cư-trú tại: Ấp Tân Xuân Xã Di-Linh

Làm tại xã Di-Linh, ngày 5 tháng 6 năm 1963

Người khai, Hộ-lại, Nhân-chứng,

Nguyễn-văn-Cửy Phạm-Nguy Nguyễn-văn-Hải

Nguyễn-văn-Việt

VIỆT-NAM
HÀNH CHÁNH
QUẢN TRƯỞNG
DI-LINH
Đến ngày 26... năm 1963

Trích Lược Y Bộ
Di-Linh Ngày 22-02-1963
Phái-Tịch Ủy Ban Hành-
Chính Xã Di-Linh

Nhà Thanh-Huông - Báo-Lộc

TRANSLATION OF A "BIRTH CERTIFICATE"

NAME OF CHILD: VU THI LE

SEX: Female

DATE OF BIRTH: 1939

PLACE OF BIRTH: Lai Te, Ha Bac

FATHER'S NAME: Qu Quang Thong

AGE: 75

OCCUPATION: Retired

RESIDENCE: Bau Ca, Trang Bom, Dong Nai

MOTHER'S NAME: Vu Thi Kha

AGE: 73

OCCUPATION: Retired

RESIDENCE: Bau Ca, Trang Bem, Dong Nai

COURT: _____ / _____

PAGE: 789

WITNESSES: _____

JUDGE: _____

CERTIFICATE ISSUED: - Data 05-06-1984
(Month) (day) (year)

Lam Dong
(place)

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, CUC K. NGUYEN, hereby certify that the above is an accurate translation of the original "birth certificate" in Vietnamese, and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

Date 11/5/84

Agency _____

21. **phone** Suite 116
California 92705

(signature of translator)

(address)

(city)	(state)	(zip)

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Đi Linh
Thị xã, Quận Đi Linh
Thành, phố Tỉnh Lâm Đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu 16 HT2/P3

BẢN SAO

Số 789
Quyển số 4

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên	<u>Vũ Thị Lê</u>	Nam, nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Năm Một chín Ba chín</u> <u>1939</u>	
Nơi sinh	<u>Lai Tề - Hà Bắc</u>	
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi hoặc ngày tháng, năm sinh	<u>Vũ Quang Thống</u> <u>75 T</u>	<u>Vũ Thị Khá</u> <u>73 T</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>Già Mất Súc</u> <u>Bưu cục - Trại Bưu Động Nội</u>	<u>Già Mất Súc</u> <u>Bưu cục - Trại Bưu Động Nội</u>
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai.	<u>Vũ Thị Lê</u> <u>Khóm 3 Di Linh, Di Linh, Lâm Đồng</u>	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 1 tháng 5 năm 1984

TM/UBND [Signature] Ký tên đóng dấu



Nguyễn Lăng

Đã ký, ngày 6 tháng 5 năm 1984

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)
M. UNG THỦ TRƯỞNG
D. OUY
Nguyễn Lăng

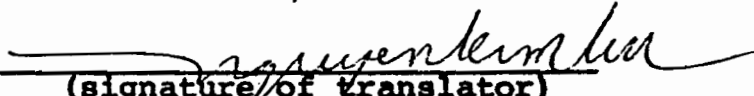
TRANSLATION OF A "BIRTH CERTIFICATE"

NAME OF CHILD: NGUYEN HUU BINH
SEX: Male
DATE OF BIRTH: 05-31-1974
PLACE OF BIRTH: Dilinh Village, Dilinh District, Lamdong Province
FATHER'S NAME: Nguyen Van Quy
AGE: /
OCCUPATION: /
RESIDENCE: /
MOTHER'S NAME: Vu Thi Le
AGE: /
OCCUPATION: /
RESIDENCE: /
COURT: /
PAGE: 099
WITNESSES: /
JUDGE: /
CERTIFICATE ISSUED: - Data 06-05-1974
(Month) (day) (year)
Dilinh
(place)

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, CUC K. NGUYEN, hereby certify that the above
is an accurate translation of the original "birth certificate"
in Vietnamese, and that I am competent in both English
and Vietnamese to render such translation.

Date 11/5/84
Agency Catholic Resettlement &
Immigration Agency
2110 East First St., Suite 115
Santa Ana, California 92705
phone


(signature of translator)

(address)

(city) (state) (zip)

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TỈNH LAM ĐỒNG
QUẬN DILINH
XÃ PHƯỚC DILINH

// TRÍCH LỘC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 03 tháng 6 năm 1974

Số hiệu : 099

Tên Họ đứa trẻ NGUYỄN HỮU BÌNH
Con trai hay con gái Trai
Ngày sinh ngàn chín trăm bảy mươi bốn (31.5.74)
Nơi sinh Xã Dilinh, Quận Dilinh Tỉnh Lam Đồng
Tên họ người cha Nguyễn Văn Quý
Tên họ người mẹ Vũ Thị Lê
Vợ chánh hay không có
Hon thú Chánh
Tên họ người đứng khai Nguyễn Văn Quý

TRÍCH LỘC Y HẠNH CHẤM

MIỀN LÊ PHÍ

Dilinh ngày 5 tháng 6 năm 1974

Viên chức Họ tịch

MIỀN THỊ THỤY

NGUYỄN VĂN KHEN (Ký tên, Dấu)

T/O Thông Tư Bộ Nội Vụ số 366/BNV/HĐ/30

Ngày 06-8-1970

SAC Y CHẾM BAN

Dilinh ngày 6 tháng 5 năm 1984



Nguyễn Văn Khén

TRANSLATION OF A "BIRTH CERTIFICATE"

NAME OF CHILD: NGUYEN VAN QUY

SEX: Male

DATE OF BIRTH: 1937

PLACE OF BIRTH: Xuan Hoa, Que Vo, Ha Bac

FATHER'S NAME: Nguyen Van Hoi

AGE: 1906

OCCUPATION: Retired

RESIDENCE: Khu 3, Di Linh

MOTHER'S NAME: Nguyen Thi Hai

AGE: 1906

OCCUPATION: Retired

RESIDENCE: Khu 3, Di Linh

COURT: /

PAGE: 788

WITNESSES: /

JUDGE: /

CERTIFICATE ISSUED: - Data 05-06-1984
(Month) (day) (year)

Lam Dong
(place)

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, CUC K. NGUYEN, hereby certify that the above is an accurate translation of the original "birth certificate" in Vietnamese, and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

Date 11/5/1984
Agency State of Tennessee
Suite 115
phone 32705

(signature of translator)

(address)

(city) (state) (zip)

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã. Thị trấn Di Linh
Thị xã Quận Di Linh
Thành phố, Tỉnh Lâm Đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 788
Quyển số 4

Họ và tên :	<u>Nguyễn Văn Quý</u>		Nam, nữ : <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm :	<u>Năm Một Chín Bẩy</u> <u>(1937)</u>		
Nơi sinh	<u>Xuân Hòa - Quốc Vĩ - Hà Bắc</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Văn Hai</u> <u>1906</u>	<u>Nguyễn Văn Hai</u> <u>1906</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Gia đình</u>	<u>Gia đình</u>	
Nơi ĐKKK thường trú	<u>Khu 3 Di Linh</u>	<u>Khu 3 Di Linh</u>	
Họ, tên tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Văn Quý</u> <u>Khu 3 Di Linh - Di Linh - Lâm Đồng</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 1 tháng 5 năm 1984
TM. UBND Đã ký tên đóng dấu



Nguyễn Long

Đã ký ngày 1 tháng 5 năm 1984
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)
Uỷ viên Hội đồng Di Linh
Đ. Quý
Nguyễn Long

TRANSLATION OF A "BIRTH CERTIFICATE"

NAME OF CHILD: NGUYEN HUU KHANH

SEX: Male

DATE OF BIRTH: 09-28-1978

PLACE OF BIRTH: Hospital of Di Linh District, Lam Dong Province

FATHER'S NAME: Nguyen Van Quy

AGE: 04-05-1937

OCCUPATION: Farmer

RESIDENCE: 14/2 Khu 3, Di Linh

MOTHER'S NAME: Vu Thi Le

AGE: 10-10-1939

OCCUPATION: Farmer

RESIDENCE: 14/2 Khu 3, Di Linh

COURT: /

PAGE: 565

WITNESSES: /

JUDGE: /

CERTIFICATE ISSUED: - Data 10-09-1978
(Month) (day) (year)

Lam Dong
(place)

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, CUC K. NGUYEN, hereby certify that the above is an accurate translation of the original "birth certificate" in Vietnamese, and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

Date 11/5/84
Agency Catholic Resettlement &
Immigration Agency
2110 East First St. Suite 115
phone
Santa Ana, California 92705

(signature of translator)

(address)

(city) (state) (zip)

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã. Thị trấn Lì Lì

Thị xã Quận Lì Lì

Thành phố, tỉnh Sơn Đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 569

Quyển số 03

Họ và tên :	<u>Nguyễn Văn Bính</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm :	<u>Ngày hai mươi bốn tháng chín năm một nghìn chín trăm bảy mươi tám (28-09-1978)</u>		
Nơi sinh	<u>Bệnh viện Huyện Lì Lì - Tỉnh Sơn Đông</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Văn Bính</u> <u>5-4-1937</u>	<u>Đỗ Thị Lê</u> <u>10-10-1939</u>	
Dân tộc	<u>Hán</u>	<u>Hán</u>	
Quốc tịch	<u>Việt nam</u>	<u>Việt nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Sơn nông</u>	<u>Sơn nông</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>14/2 Khu 3 - Lì Lì</u>	<u>14/2 Khu 3 - Lì Lì</u>	
Họ, tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Văn Bính</u> <u>ở Lì Lì - Huyện Lì Lì - Tỉnh Sơn Đông</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 6 tháng 5 năm 1984

TM. UBND Đã ký tên đóng dấu



Nguyễn Văn Bính

Đang ký ngày 09 tháng 10 năm 1978

(ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Th. UBND xã Lì Lì

Đ. C.

Nguyễn Văn Bính

TRANSLATION OF A "BIRTH CERTIFICATE"

NAME OF CHILD: NGUYEN THI THUY

SEX: /

DATE OF BIRTH: 11-19-1975

PLACE OF BIRTH: 14/2 Tan Xuan Dilinh

FATHER'S NAME: Nguyen Van Quy

AGE: 36

OCCUPATION: Gardener

RESIDENCE: /

MOTHER'S NAME: Vu Thi Le

AGE: 36

OCCUPATION: Merchant

RESIDENCE: /

COURT: /

PAGE: /

WITNESSES: /

JUDGE: /

CERTIFICATE ISSUED: - Data 11-25-1975
(Month) (day) (year)

Dilinh
(place)

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, CUC K. NGUYEN, hereby certify that the above
is an accurate translation of the original "birth certificate"
in Vietnamese, and that I am competent in both English
and Vietnamese to render such translation.

Date 11/5/84

Agency Catholic Resettlement & Immigration Agency
2110 East First St. Suite 115
San Jose, California 92705

Nguyen Kimbu
(signature of translator)

(address)

(city) (state) (zip)

NGUYỄN DILINH
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc Lập Dân Chủ Hòa Bình Trung Lập

11 / 7 I X Y K H A I S I N H

Họ và Tên (ghi theo họ người bố) NGUYỄN THỊ THUY

Ngày tháng năm sinh 19 - 11 - 1975

Nơi sinh 14/2 Tân Xuân Dilinh

Quê quán Xã Dilinh, Huyện Dilinh, Tỉnh Lâm Đồng

Dân Tộc Kinh Tôn giáo Thiên Chúa Quốc tịch Việt Nam

: : CHA : MẸ

: Họ và tên : NGUYỄN VĂN QUÝ : VŨ THỊ LÊ

: Tuổi : 30 : 36

: Quê quán : Xã Xuân Hòa : Xã Lây Khô

: : Huyện Võ Quang : Huyện Võ Quang

: : Tỉnh Bắc Ninh : Tỉnh Bắc Ninh

: Nghề nghiệp : Làm vườn : Buôn bán

: Dân tộc : Kinh : Kinh

: Tôn giáo : Thiên Chúa : Thiên Chúa

: Quốc tịch : Việt Nam : Việt Nam

Người khai sinh
ký tên

Dilinh, ngày 25 tháng 11 năm 1975

Họ

Họ

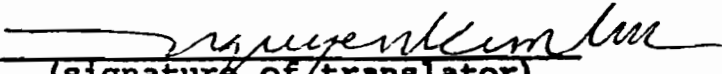
TRANSLATION OF A "BIRTH CERTIFICATE"

NAME OF CHILD: NGUYEN HUU LOI
SEX: Male
DATE OF BIRTH: 02-22-1972
PLACE OF BIRTH: Di Linh, Di Linh, Lam Dong
FATHER'S NAME: Nguyen Van Quy
AGE: 1937
OCCUPATION: Farmer
RESIDENCE: Khu 3, Di Linh
MOTHER'S NAME: Vu Thi Le
AGE: 1939
OCCUPATION: Farmer
RESIDENCE: Khu 3, Di Linh
COURT: /
PAGE: 785
WITNESSES: /
JUDGE: /
CERTIFICATE ISSUED: - Data 05-06-1984
(Month) (day) (year)
Lam Dong
(place)

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, CUC K. NGUYEN, hereby certify that the above
is an accurate translation of the original "birth certificate"
in Vietnamese, and that I am competent in both English
and Vietnamese to render such translation.

Date 11/5/84
Agency Catholic Resettlement & Immigration Agency
2110 East First St. Suite 115
San Jose, California 95131


(signature of translator)

(address)

(city) (state) (zip)

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã. Thị trấn Di Linh
Thị xã Quận Di Linh
Thành phố, Tỉnh Lâm Đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 785

Quyển số 4

Họ và tên :	NGUYỄN HỮU LỢI		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm :	Ngày <u>hai</u> tháng <u>hai</u> năm <u>một chín bảy hai</u> (<u>22.02.1972</u>)		
Nơi sinh	<u>Di Linh, Di Linh, Lâm Đồng</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN VĂN QUÝ <u>1937</u>	VŨ THỊ LÊ <u>1939</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>	
Nơi ĐKKK thường trú	<u>Khu 3 Di Linh</u>	<u>Khu 3 Di Linh</u>	
Họ, tên tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NGUYỄN VĂN QUÝ <u>Khu 3 Di Linh, Di Linh, Lâm Đồng</u>		

NHÂN THỰC SAO ỦY BAN CHÁNH

Ngày 4 tháng 5 năm 1984

TM. UBND Di Linh ký tên đóng dấu



Đã ký ngày 6 tháng 5 năm 1984
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Nguyễn Văn

Đã ký tên đóng dấu